TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-02 -2020
"Về việc ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huê

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Hồ Thị Hoa

- Bà Đoàn Thị Huệ

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc "*ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Thu H**, sinh năm 1961 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Đặng Văn L**, sinh năm 1960 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Thạnh Phong, xã Đông Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/8/2019 nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H trình bày và yêu cầu như sau:

Bà H và ông L chung sống với nhau năm 1981, đến nay không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây bất đồng ý kiến dẫn đến gây gỗ với nhau, tuổi lớn mà còn bị ông lập chửi mắn thường xuyên, không tôn trọng bà H có lần ông L giận ai mà đánh bà H vô cớ trước mặt đông người nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, bà H xác định quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông L có rất nhiều mâu thuẫn, bất đồng không thể hàn gắn

được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà H xác định có 03 đứa con chung tên Đặng Thị Gỡ, sinh năm 1985, Đặng Văn Nguyên, sinh năm 1987 và Đặng Văn Nhân, sinh năm 1990, hiện nay các con của bà H và ông L đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được, khi ly hôn bà Hai không yêu cầu Tòa giải quyết,

Về tài sản và nợ: Bà H xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tại biên bản hòa giải ngày 07/02/2020 ông Đặng Văn L trình bày: ông L và bà H chung sống với nhau năm 1981 cho đến nay, không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống rất hạnh phúc, thời gian gần đây mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nên ông có đánh bà H trước chỗ đông người, có chửi mắng bà H nhiều lần do lúc trong người có uống rượu nên tính khí nóng nải không kềm chế được.

Nay tuổi lớn, có cháu nội, cháu ngoại rồi nên không đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông L xác định đúng như lời trình bày của bà H hiện nay 03 đứa con của ông và bà H đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, nếu Tòa giải quyết cho bà H ly hôn, thì ông L không yêu cầu giải quyết;

Về tài sản và nợ: ông L không yêu cầu giải quyết.

* *Tại phiên tòa*:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H, bị đơn ông Đặng Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin ly hôn với ông L; về con chung, tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết, ông L không đồng ý ly hôn với bà H.

- Kiểm sát viên phát biểu về thực hiện tố tụng và đưa ra quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thực hiện tố tụng tuân theo pháp luật,

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định tại tại Điều 203, Điều 51, Điều 61 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Bà H và ông L chung sống với năm 1981, mãi đến nay không đăng ký kết hôn, thời gian đầu sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông L và bà H bất đồng ý kiến, dẫn đến gây gỗ với nhau, mâu thuẫn kéo dài cuộc sống vợ chồng không còn hạnh

phúc. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX cho bà H được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Bà H và ông L có 03 đứa con chung, tên Đặng Thị Gỡ, sinh năm 1985, Đặng Văn Nguyên, sinh năm 1987 và Đặng Văn Nhân, sinh năm 1990 hiện nay các con của bà H và ông L đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa giải quyết đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về tài sản và nợ: Bà H và ông L không tranh chấp, không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H yêu cầu xin được ly hôn với Đặng Văn L là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khi bà H khởi kiện Tòa án thụ lý vụ án giải quyết và hiện nay bị đơn ông L, cư trú và làm ăn sinh sống tại ấp Thạnh Phong, xã Đông Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung và yêu cầu xin ly hôn của bà H:

Xét về quan hệ hôn nhân: bà H và ông L chung sống với nhau từ năm 1981 đến nay không đăng ký kết hôn, qúa trình chung sống thì bà H và ông L có con chung, có tài sản chung và quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, quá trình chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà H xin ly hôn trường hợp quan hệ vợ chồng của bà H và ông L thì Tòa án thụ lý vụ án và áp dụng quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết 35 của Ủy ban thường vụ Quốc hội giải quyết vụ án về ly hôn của luật hôn nhân và gia đình 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu của bà H ly hôn với ông L thấy rằng: trong thời gian chung sống vợ chồng bà H và ông L có bất đồng, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên mâu thuẫn, ông L có dùng lời lẻ xúc phạm bà H và thậm chí đánh bà H khi có mặt đông người nên xác

định là ông L xúc phạm đến danh dự và sức khỏe bà H nên bà Hai gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với L. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và L đến mức lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H, cho bà H được ly hôn với ông L là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà H và ông L xác định có 03 con chung tên Đặng Thị Gỡ, sinh năm 1985, Đặng Văn Nguyên, sinh năm 1987 và Đặng Văn Nhân, sinh năm 1990 hiện nay các con của bà H và ông L đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa giải quyết,

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông L xác định không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghi quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11 Điều và Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (nay Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014); điểm a khoản 3 Nghị quyết 35 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Thu H được ly hôn với ông Đặng Văn L.

[2] Về con chung: Bà H và ông L xác định có 03 con chung tên Đặng Thị Gỡ, sinh năm 1985, Đặng Văn Nguyên, sinh năm 1987 và Đặng Văn Nhân, sinh năm 1990, hiện nay các con của bà H và ông L đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông L xác định không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm xin ly hôn: Bà Phạm Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000đ, được trừ vào số tiền 300.000đ mà bà Hai tạm nộp theo biên lai số 007492 ngày 02/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh. Bà H đã thi hành xong tiền án phí sơ thẩm xin ly hôn.

[5]. Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/02/2020) .

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã Đông Thạnh;
- Lưu HSVA,VP;

Lê Mỹ Huê